

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 282 /NMĐTB2-KTATMT
V/v đề nghị cung cấp báo giá bi nghiền.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu mua sắm bi nghiền phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các loại hàng hoá tương tự. Do đó, Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc: Như đính kèm;
- Thời gian và thời điểm hoàn thành cung cấp hàng hoá như sau:
 - ✓ Thời gian hoàn thành cung cấp hàng hoá là 365 ngày;
 - ✓ Thời điểm bắt đầu cung cấp hàng hoá: Tháng 5/2026
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: **60 ngày kể từ ngày báo giá.**
- Thời gian gửi báo giá: Trước 15h00 ngày 04/03/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi qua thư điện tử tới các địa chỉ: thanhnvk@pvpgb.vn, vanthutb2@pvpgb.vn, nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Nguyễn Văn Kỳ Thanh, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0978.107.284; Email: thanhnvk@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KHTC, TM (để p/h);
- Lưu: VT, KTATMT (N.V.K.T: 01b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc.

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 316/CV-KTATMT/2026



**PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC MUA SẴM BI NGHIỀN PHỤC VỤ SẢN XUẤT
NMNĐ THÁI BÌNH 2**

(Đính kèm Công văn số: 282 /NMĐTB2-KTATMT ngày 12 tháng 02 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Bi nghiền than Ø50 mm	Kích thước bi: Dĩa Ø50 mm Vật liệu bi: Middle chromium cast iron ($11\% \leq Cr \leq 14\%$) (theo tiêu chuẩn ASTM A532 CLASS II TYPE A)	Kg	543.060	Chi tiết thông số kỹ thuật bi như Phụ lục 02
2	Bi nghiền than Ø40 mm	Kích thước bi: Dĩa Ø40 mm Vật liệu bi: Middle chromium cast iron ($11\% \leq Cr \leq 14\%$) (theo tiêu chuẩn ASTM A532 CLASS II TYPE A)	Kg	60.340	Chi tiết thông số kỹ thuật bi như Phụ lục 02



Phụ lục 02: Thông số kỹ thuật của bi nghiền

(Đính kèm Công văn số: 282 /NMĐTB2-KTATMT ngày 12 tháng 02 năm 2026)

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Loại bi nghiền	
			Bi nghiền than Ø 40 mm (ASTM A532 CLASS II TYPE A)	Bi nghiền than Ø 50 mm (ASTM A532 CLASS II TYPE A)
I	Thành phần hóa học			
1	C	%	2 ÷ 3,3	2 ÷ 3,3
2	Cr	%	11 ÷ 14	11 ÷ 14
3	Mn	%	0 ÷ 2	0 ÷ 2
4	Ni	%	0,0 < Ni ≤ 2,5	0,0 < Ni ≤ 2,5
5	Mo	%	0,0 < Mo ≤ 3	0,0 < Mo ≤ 3
6	Si	%	0,0 < Si ≤ 1,5	0,0 < Si ≤ 1,5
7	Ti	%	0,0 < Ti ≤ 0,15	0,0 < Ti ≤ 0,15
8	P	%	0 ÷ 0,1	0 ÷ 0,1
9	S	%	0 ÷ 0,06	0 ÷ 0,06
10	Cu	%	0 ÷ 1,2	0 ÷ 1,2
11	Tổ chức tế vi kim loại		Tổ chức các bit hợp kim phân bố đều trên nền maxtenxit nhỏ mịn đạt yêu cầu kỹ thuật (TCVN 5052-1:2009)	Tổ chức các bit hợp kim phân bố đều trên nền maxtenxit nhỏ mịn đạt yêu cầu kỹ thuật (TCVN 5052-1:2009)
II	Khối lượng viên bi	Gram	260 ± 30/viên	510 ± 30/viên
III	Độ cứng bề mặt	HRC	≥ 59	≥ 59
IV	Độ cứng vùng tâm	HRC	≥ 56	≥ 56
V	Dung sai đường kính	mm	+2,0/-1,5	+2,0/-1,5
VI	Yêu cầu bề mặt bi			
1	Độ lồi	mm	≤ 2,0	≤ 2,0
2	Độ lõm	mm	≤ 2,0	≤ 2,0
3	Độ sai lệch bán nguyệt	mm	≤ 1,5	≤ 1,5
4	Hình dạng bên ngoài		Bề mặt không được rỗ, cháy, nứt, vỡ, xốp, phải làm sạch ba via ở rãnh dẫn	Bề mặt không được rỗ, cháy, nứt, vỡ, xốp, phải làm sạch ba via ở rãnh dẫn
VII	Loại bi		Bi đúc	Bi đúc
VIII	Vật liệu bi		Middle chromium cast iron	Middle chromium cast iron